| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày: 17-3-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đoàn Văn Lước;

2. Ông Bồ Quốc Khánh.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

**Võ Chí D,** sinh năm 1977, tại tỉnh Đồng Tháp. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hồng P (đã chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1945 (còn sống); bị cáo có vợ là Lê Thị Bích K, sinh năm 1984; có 02 con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009; có 03 anh, chị, em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1981; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp kết án 07 năm tù về tội "Giết người" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân", tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 127/HSST, ngày 15/11/1993; đến năm 1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp kết án 18 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 78/HSST, ngày 23/7/1997. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 23/7/2002. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/12/2019 đến ngày 14/12/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Quốc $T_2$, sinh năm 1983, nơi cư trú: xã E, huyện F, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

*1.* Chị Lê Thị Bích K, sinh năm: 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu nhà trọ ông Đỗ Văn S, Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

*2.* Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1978, nơi cư trú: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*3.* Anh Trần Trọng P, sinh năm: 1989, nơi cư trú: xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*4.* Anh Hà Văn B, sinh năm: 1993, nơi cư trú: Khu phố Z, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

*1.* Ông Nguyễn Ngọc M; vắng mặt.

*2.* Bà Bồ Thị T; vắng mặt.

*3.* Ông Phạm Ngọc $T_1$; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Chí D từ Đồng Tháp chuyển đến sống trọ cùng chị Lê Thị Bích K tại khu nhà trọ của ông Đỗ Văn S tại Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ năm 2017 đến nay nhưng D không khai báo tạm trú. Quá trình làm thuê tại khu trọ (thợ hồ), D quen biết với một thanh niên tên T (không rõ nhân thân lai lịch) thuê trọ tại phường T, thị xã B nhưng không đăng ký tạm trú. Khoảng 21 giờ 00, ngày 28/11/2019, khi T đến nhà trọ D chơi, D đã rủ T đi đến nhà Phạm Ngọc $T_1$ (T chuột) tại huyện P chơi thì T đồng ý. D điều khiển xe mô tô không rõ chủng loại (loại xe Wave), biển số 61C1-741.xx chở T đến nhà $T_1$ tại xã V, huyện P để chơi và uống bia. Đến khoảng 01 giờ 00 sáng ngày 29/11/2019, D điều khiển xe mô tô nói trên chở T về phường H, thành phố T. Khi đi khỏi nhà $T_1$ khoảng 07km thì xe bị thủng lốp sau không còn chạy được, D và T thay nhau dắt bộ để tìm nơi vá xe. Khi đến đoạn đường ĐT 741 thuộc ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương thì D và T nhìn thấy có quán cà phê cạnh tiệm sửa xe của anh Nguyễn Quốc $T_2$ đang đóng cửa, D và T mang xe vào quán nằm võng chờ tiệm mở cửa để vá xe. Đến khoảng 04 giờ 30 phút sáng 29/11/2019, T đi vòng ra phía sau tiệm sửa xe của anh $T_2$ thì nhìn thấy có nhiều xe mô tô nhưng không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp xe bán lấy tiền tiêu xài. Khi được T gợi ý trộm xe bán lấy tiền tiêu xài thì D đồng ý. Đến khoảng 05 giờ 00 sáng cùng ngày, T kêu D đẩy xe mô tô biển số 61C-741.xx của D đã bị thủng lốp đi trước, còn T ở lại đi vòng ra sau tiệm sửa xe lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Sirius, biển số 61U2-39xx rồi điều khiển xe chạy về hướng thành phố T. Khi gặp D đang dắt bộ xe thủng lốp đi trước, T kêu D bỏ lại xe biển số 61C1-741.xx bên lề đường và chở D quay trở lại tiệm sửa xe của anh $T_2$ để lấy thêm 01 xe mô tô khác cho D sử dụng. Khi trở lại tiệm anh $T_2$, D đứng ngoài chờ còn T vào phía sau tiệm dắt 01 xe mô tô hiệu Attila, biển số 61E1-336.xx chạy ra đường giao cho D điều khiển. Cả hai điều khiển hai

xe mô tô trộm được chạy về hướng thành phố T, lúc này ông Nguyễn Ngọc M phát hiện dấu hiệu khả nghi nên thông báo cho anh Nguyễn Quốc $T_2$ biết, anh $T_2$ kiểm tra phát hiện bị mất trộm 02 xe mô tô để phía sau tiệm nên truy hô và cùng một số người dân truy đuổi theo T và D. Khi đến địa bàn phường H, thị xã B thì D bị người dân truy đuổi kịp ép ngã xe mô tô Attila biển số 61E1-336.xx do D đang điều khiển, D bỏ lại xe và chạy bộ trốn thoát, riêng T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61U2-39xx bỏ chạy vào đường TB 12 thuộc ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương thì bỏ xe lại trốn thoát. D bỏ trốn về nhà mẹ đẻ tại thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, sau đó đến Công an thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đầu thú, riêng đối tượng tên T do không rõ nhân thân lai lịch, bỏ trốn khỏi nơi thuê trọ nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên không truy xét được.

Tang vật thu giữ bên lề đường thuộc ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương 01 xe mô tô (loại Wave) biển số 61C1-741.xx đã thủng lốp, bên trong cốp xe có: 01 ví da, 01 bản photocoppy chứng minh nhân dân mang số 3416614xx mang tên Võ Chí D, 01 ảnh màu 3x4cm, 01 biên nhận cầm đồ mang tên người cầm đồ là "anh D" số điện thoại "03xxxx0862" tại Tiệm Cầm đồ X – Khu phố 2, phường T, thị xã B; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61U2-39xx và 01 xe mô tô hiệu Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 61E1-336.xx.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 138/KLHĐ-ĐGTS ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên đã xác định: xe môtô hiệu Yamaha Sirius biển số 61U2-39xx, trị giá 6.000.000 đồng và xe môtô hiệu Attila Elizabeth biển số 61E1-336.xx, trị giá 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS-BTU ngày 21/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ Chí D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Lê Thị Bích K xác định số tiền 900.000đ đã bỏ ra mua xe mô tô (loại Wave) biển số 61C1-741.xx là tiền của bị cáo D làm thợ hồ có được, nay chị Kềm không tranh chấp về sở hữu đối với xe mô tô nói trên, đồng ý việc cơ quan tố tụng tịch thu xe mô tô sung Ngân sách Nhà nước và không yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Trọng P, anh Nguyễn Tấn Đ và bị hại Nguyễn Quốc $T_2$ đều khai thống nhất: xe mô tô loại Attila – Elizabeth, biển số 61E1-336.xx thuộc quyền sở hữu của anh Trần Trọng P, năm 2015 anh P đã bán lại cho anh Nguyễn Quốc $T_2$ giá 35.000.000đ, xe mô tô loại Yamaha – Sirius, biển số 61U2-39xx thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Tấn Đ, năm 2019, anh Đ đã bán lại cho anh Nguyễn Quốc $T_2$ giá 6.000.000đ, anh Nguyễn Quốc $T_2$, anh Trần Trọng P, anh Nguyễn Tấn Đ chưa làm thủ tục sang tên trước bạ. Hiện anh $T_2$ đã được cơ quan điều tra trả lại 02 xe mô tô nói trên nên không có yêu cầu nào khác liên quan đến tài sản và hình phạt đối với bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Nguyễn Tấn Đ, Trần Trọng P không có yêu cầu nào khác và xin vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Hà Văn B khai nhận: xe mô tô nhãn hiệu SYM màu xám - đỏ , biển số 61C1-741.xx do anh B đứng tên sở hữu nhưng đã bị mất trộm vào ngày 14/10/2019 đến nay chưa tìm lại được, qua nhận dạng xe mô tô loại (loại Wave), biển số 61C1-741.xx (tang vật trong vụ án) không phải là xe anh B đã bị mất trộm, chỉ có biển số gắn trên xe mô tô trên là của anh B. Anh Hà Văn B không có yêu cầu nhận lại biển số xe nên yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D mức án từ 09 đến 12 tháng tù. Đối với xe môtô hiệu Yamaha Sirius biển số 61U2-39xx và xe môtô hiệu Attila Elizabeth biển số 61E1-336.xx là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Quốc $T_2$, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã xử lý trả lại tài sản cho ông $T_2$ đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm nhiện dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp đều đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã xử lý xong, đúng quy định pháp luật nên Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 không xem xét, giải quyết lại. Đối với 01 ví da, 01 giấy Chứng minh nhân dân bản phôtô số 3416614xx mang tên Võ Chí D; 01 ảnh màu 3x4; 01 giấy cầm đồ có thông tin người cầm đồ là "anh D", số điện thoại "03xxx0862" là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã xử lý trả lại cho bị cáo xong nên không đặt ra. Đối với xe mô tô (loại Wave) biển số 61C1-741.xx do bị cáo D mua lại của người khác không rõ nhân thân lai lịch, xe không đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bị cáo sử dụng xe mô tô này làm công cụ, phương tiện phạm tội, chị Lê Thị Bích K không tranh chấp, không có yêu cầu xem xét trả lại ½ giá trị tài sản nên đề nghị Hội đồng xét căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với biển số xe 61C1-741.xx thuộc sở hữu của anh Hà Văn B, do xe đã bị mất, anh B không có yêu cầu nhận lại biển số nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy biển số xe nói trên.

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo xác định tội danh do Viện Kiểm sát kết tội, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đúng, các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng Viện Kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật, bị cáo không tranh luận gì khác.

Bị cáo D nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã thực hiện đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng huyện Bắc Tân Uyên đều phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận Võ Chí D đã cùng với người tên T (Không rõ nhân thân lai lịch) lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Nguyễn Quốc $T_2$, lén lút chiếm đoạt 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius biển số 61U2-39xx, trị giá 6.000.000 đồng và 01 xe môtô hiệu Attila Elizabeth biển số 61E1-336.xx, trị giá 5.000.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng trị giá 11.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cho cá nhân của bị cáo D không được sự đồng ý hoặc cho phép của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi mà bị cáo D và người thanh niên tên T đã thực hiện trên đây là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây tâm lý hoang mang, lo sợ và mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, Cáo trạng số 14/CT-VKS-BTU ngày 21/02/2020 của VKSND huyện Bắc Tân Uyên truy tố bị cáo Võ Chí D về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân áp dụng đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mình đã gây ra, đồng thời nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Xét cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo D. Sau khi thực hiện tội phạm, bị cáo D đã bỏ trốn về quê tại thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nhưng đến ngày 05/12/2019 biết không thể trốn tránh, bị cáo đã đến Công an thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đầu thú và khai nhận tội nên cần áp dụng tình tiết "bị cáo đầu thú" theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D. Ngoài ra, bị cáo còn có vợ có hoàn cảnh gia đình khó khăn

đang nuôi 02 con chưa thành niên nên cũng cần xem xét tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Ngày 15/11/1993 Võ Chí D bị TAND tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 năm tù về tội giết người và 01 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của 02 tội là 07 năm tù. Đến ngày 23/7/1997 bị TAND tỉnh Đồng Tháp xử phạt 18 tháng tù về tội trốn khỏi nơi giam. Ngày 23/7/2002 bị cáo chấp hành xong 02 bản án trên. Như vậy, bị cáo D đã nhiều lần vi phạm pháp luật, bị cách ly ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian dài nhưng vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm nên tuy bị cáo đã được xóa án tích nhưng về nhân thân thì xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy cần áp dụng đối với bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội và cũng nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội đồng thời cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt theo các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng cũng như nhân thân của bị cáo như phân tích ở phần [3].

Mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù  mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Quốc $T_2$ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đối với người thanh niên tên T (không rõ nhân thân lai lịch) đã cùng bị cáo Võ Chí D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên tiếp tục điều tra xử lý sau khi bắt được người tên T là đúng quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 ví da, 01 giấy Chứng minh nhân dân bản phôtô số 3416614xx mang tên Võ Chí D; 01 ảnh màu 3x4; 01 giấy cầm đồ có thông tin người cầm đồ là "anh D", số điện thoại "03xxxx0862" là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Võ Chí D là đúng quy định.

Đối với 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius biển số 61U2-39xx và 01 xe mô tô hiệu Attila Elizabeth màu đỏ, biển số 61E1-336.xx là của bị hại Nguyễn Quốc $T_2$ mua lại để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Quốc $T_2$ là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu (loại xe Wave), không rõ biển số, có số máy VHLFM152FMH- V087626, số khung RMNWCHLMN7H007626 là xe mô tô Võ Chí D mua lại của một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch tại khu vực công khu du lịch Đ thuộc phường T, thị xã B, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành tra cứu tàng thư vật chứng và ra công văn thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không có ai đến

xác định là chủ sở hữu xe mô tô nói trên. Xét thấy, đây là phương tiện tham gia giao thông nhưng không xác định được biển số và nguồn gốc sử dụng, bị cáo sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội, vợ bị cáo là bà Lê Thị Bích K không có yêu cầu nhận lại tài sản, nghĩ cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 biển số xe 61C1-741.xx do ông Hà Văn B là chủ sở hữu, xe môtô đã bị mất trộm, chưa tìm lại được nên ông B không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Chí D phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Võ Chí D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Chí D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô không rõ nhãn hiệu (loại xe Wave), số máy VHLFM152FMH-V087626, số khung RMNWCHLMN7H007626.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 61C1-741.xx.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/02/2020 của của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên).*

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Võ Chí D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Lê Thị Bích K) có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại Nguyễn Quốc $T_2$, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Tấn Đ, Trần Trọng P, Hà Văn B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Người tham gia tố tụng (6);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh**